SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT
Số: 511/YC- BVNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 29 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ THIẾT BỊ, THIẾT BỊ Y TẾ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm thiết bị, thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Bùi Thị Thu Hà

Trưởng Khoa Dược – TTBYT – KSNK

ĐT: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

- Nhận qua email: hathuy11.5@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị,thiết bị y tế: Theo phụ lục 01 đính kèm.
2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định.
3. Đơn vị cung ứng có thể chào giá cho 1 hoặc ≥ 1 thiết bị trong danh mục mời báo giá.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- BGĐ, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đoàn Trọng Thuyết

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC THIẾT BỊ, THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo yêu cầu báo giá số:511/YC- BVNT ngày 29 tháng 11 năm 2024)

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên thiết bị</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th></tr>
<tr><td>1</td><td>MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ</td><td>Hệ thống</td><td>01</td></tr>
<tr><td></td><td>
I. Yêu cầu chung
- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất năm 2024 trở về sau
- Máy chính có xuất xứ thuộc các nước nhóm G7
- Điện áp sử dụng: 220V; 50Hz
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
+ Độ ẩm tối đa: ≥ 75%
II. Yêu cầu cấu hình
<table>
<tr><td>1</td><td>Máy chính</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Máy tính</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Máy in</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bộ lưu điện</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Bộ lọc nước RO cho máy xét nghiệm</td><td>≥ 01 bộ</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Bộ phụ kiện tiêu chuẩn theo máy.</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt</td><td>01 bộ</td></tr>
</table>
III. Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật
1. Tính năng
- Máy phân tích sinh hóa tự động hoàn toàn, có khả năng chạy mẫu ngẫu nhiên với khả năng làm xét nghiệm cấp cứu.
- Thực hiện được tối thiểu các xét nghiệm sau: Glucose, Cholesterol, HDL-Cholesterol, LDL -Cholesterol, CK, CK-MB, Direct Bilirubin, Total Bilirubin, Triglycerid, Urea, Uric acid, CRP, GGT, Creatinine, Protein, Microalbumin niệu (Urine/CSF Albumin), AST/GOT, ALT/GPT.
2. Thông số kỹ thuật
2.1. Máy chính
- Nguyên lý phân tích: đo quang hoặc tương đương
- Công nghệ đo: Có tối thiểu công nghệ: So màu, miễn dịch đo độ đục, ngưng kết latex
</td><td></td><td></td></tr>
</table>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	- Công suất: 800 xét nghiệm/giờ (tối đa 860 xét nghiệm/giờ) cho các xét nghiệm sinh hóa không bao gồm điện giải - Lượng nước tiêu thụ: ≤ 30 lít/giờ ***2.1.1. Bộ phận xử lý mẫu*** - Loại mẫu: Tối thiểu có: Huyết thanh; huyết tương; nước tiểu; máu toàn phần (HbA1c) - Thể tích mẫu: + Tối thiểu: ≤ 1,0 µl + Tối đa: ≤ 25 µl - Có khả năng nạp mẫu theo giá mẫu (rack), số vị trí để mẫu thử thường quy: ≥ 150 vị trí - Có vị trí để mẫu cấp cứu riêng biệt, số vị trí để mẫu cấp cứu ≥ 10 vị trí - Nhận dạng mẫu: Bằng Barcode hoặc tương đương - Có chức năng phát hiện mực chất lỏng; tắc nghẽn; va chạm ***2.1.2. Bộ phận xử lý hóa chất*** - Thể tích thuốc thử: + Tối thiểu: ≤ 20 µl + Tối đa: ≤ 250 µl - Khay hóa chất: - Được giữ lạnh; dải nhiệt độ: Từ ≤ 5 đến ≥ 12 độ C - Số vị trí để hóa chất: ≥ 105 vị trí - Có chức năng nạp hóa chất khi máy đang ở chế độ đo - Kim hút hóa chất và bệnh phẩm riêng biệt ***2.1.3. Bộ phận phản ứng*** - Số lượng xét nghiệm cài đặt được trên máy: ≥ 120 xét nghiệm - Số lượng xét nghiệm làm được đồng thời: ≥ 60 xét nghiệm - Tổng thể tích phản ứng: + Tối thiểu: ≤ 120 µl + Tối đa: ≤ 350 µl - Tiền pha loãng mẫu tự động với nhiều mức, từ ≤ 3 đến ≥ 100 lần - Cuvette được làm bằng thuỷ tinh hoặc thạch anh hoặc tương đương - Có chức năng tự động rửa Cuvette - Số vị trí cuvette trong buồng phản ứng: ≥ 160 vị trí - Hệ thống ủ: ủ dung dịch cách ly hoặc tương đương ***2.1.4. Nguồn sáng*** - Số lượng bước sóng: ≥ 13 bước sóng khác nhau. - Bước sóng: Từ ≤ 340 đến ≥ 800 nm		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	- Dải hấp thụ: Từ 0 đến ≥ 3 OD ***2.1.5. Hiệu chuẩn (Calibration)*** - Có chức năng tự động hiệu chuẩn - Có chức năng lưu trữ đồ thị hiệu chuẩn đã được thực hiện - Có hệ thống giữ lạnh cho chất hiệu chuẩn ***2.1.6. Kiểm chuẩn (Quality control)*** - Quy trình chuẩn: Tuân thủ Luật Westgard, Twin Plot và đồ thị Levey-Jennings hoặc tương đương - Có chức năng tự động kiểm chuẩn - Có hệ thống giữ lạnh cho chất kiểm chuẩn ***2.1.7. Phần mềm*** - Hệ điều hành tương thích: Windows hoặc tương đương - Khả năng lưu trữ: ≥ 100.000 mẫu - Theo dõi phản ứng ≥ 400.000 xét nghiệm - Kết nối: Có khả năng kết nối với máy chủ theo hai chiều **2.2. Máy tính** - CPU: Intel Core i5 hoặc tương đương hoặc tốt hơn; - Ổ cứng: ≥ 500 GB; RAM: ≥ 8 GB; Màn hình: ≥ 24 inch; Chuột, bàn phím: 01 bộ **2.3. Máy in** - Loại In laser đen trắng hoặc tốt hơn. - Tốc độ in: ≥ 12 trang/phút; - Độ phân giải: ≥ 600x600 dpi; - Khổ giấy: A4; - Bộ nhớ đệm: ≥ 2 MB **2.4. Bộ lưu điện online** - Công suất: ≥ 6 KVA **2.5. Bộ lọc nước cho máy xét nghiệm:** - Công suất: ≥ 30 lít/giờ		
2	**MÁY ĐIỆN TIM 6 KÊNH**	**Máy**	**01**
	I. Yêu cầu chung - Thiết bị mới 100% - Sản xuất năm 2024 trở về sau - Máy chính có xuất xứ thuộc các nước nhóm G7 - Điện áp sử dụng: 220V; 50Hz - Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30°C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75%		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	II. Yêu cầu cấu hình 1 Máy chính kèm phụ kiện chuẩn — 01 bộ 2 Cáp điện tim — 01 cái 3 Dây nguồn — 01 cái 4 Điện cực trước ngực — 06 quả 5 Điện cực chi — 04 cái 6 Ắc qui — 01 cái 7 Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt — 01 bộ **III. Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật** **Hiển thị** - Màn hình LCD hoặc tương đương - Kích thước: ≥ 8 inch - Hiển thị thông số điện tim: dạng sóng đạo trình, thông tin bệnh nhân, các chế độ làm việc của thiết bị... **Thu nhận tín hiệu** - Dải đo và hiển thị nhịp tim: ≤ 30 đến 300 nhịp/ phút - Tốc độ thu thập mẫu: ≥ 16.000 mẫu/giây - Đạo trình ECG: ≥ 12 đạo trình - Độ nhạy: ≤ 10mm/mV - Độ ồn: ≤ 20 µVp-v - Hệ số lọc nhiễu: ≥ 100dB - Nhiễu giữa các kênh: ≤ 40dB - Điện áp bù: ≥ ± 550 mV - Tần số đáp ứng: Từ ≤ 0,05 Hz đến ≥ 150 Hz - Chuyển đổi A/D: 24 bit **Xử lý tín hiệu** - Hằng số thời gian: ≥ 3.2s - Tỷ lệ lấy mẫu: ≥ 500 mẫu/giây - Độ nhạy: ≥ 3 mức - Bộ lọc nhiễu điện cơ: ≥ 2 mức - Bộ lọc cao tần: ≥ 3 mức - Có khả năng phát hiện tạo nhịp - Thời gian phân tích: ≤ 5 giây **Ghi tín hiệu** - Số kênh: ≥ 6 kênh - Tốc độ in giấy: ≥ 5 mức - Khổ giấy: ≥ 110mm		

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên thiết bị</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th></tr>
<tr><td></td><td>Pin sạc tích hợp trong máy
- Thời gian hoạt động: ≥ 150 phút
Lưu trữ: ≥ 500 tệp ECG
- Có khả năng kết nối hệ thống mạng bệnh viện (tối thiểu có kết nối qua cổng mạng LAN)
- Có khả năng kết nối được với máy in ngoài (thực hiện in kết quả trên giấy A4 trong trường hợp không có giấy in dành cho máy điện tim).</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>KÍNH HIỂN VI HAI MẮT</td><td>Máy</td><td>01</td></tr>
<tr><td></td><td>I. Yêu cầu chung
- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất năm 2024 trở về sau
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 40°C
+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%
II. Yêu cầu cấu hình
<table>
<tr><td>1</td><td>Thân máy chính tích hợp nguồn sáng</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thị kính 10x</td><td>02 cái</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Vật kính tiêu sắc 4x, 10x, 40x, 100xOil</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Dầu soi</td><td>01 lọ</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Dây điện nguồn</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt</td><td>01 bộ</td></tr>
</table>
III. Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật
Đầu quan sát
- Loại Hai mắt
- Góc xoay: 360°
- Khoảng cách điều chỉnh giữa các đồng tử: khoảng từ ≤ 50 đến ≥ 75 mm
Thị kính
- Độ phóng đại: ≥ 1.000 lần
- Vi trường: ≥ 20 mm
- Góc nhìn khoảng 30 độ (±10%)
- Mỗi thị kính có thể điều chỉnh độ Diop.
Vật kính
- Mâm gắn vật kính: Có ≥ 4 vị trí lắp vật kính
- Vật kính phẳng chống mốc 4X/ độ mở 0.10, khoảng cách làm việc ≥ 27 mm;</td><td></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên thiết bị</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th></tr>
<tr><td></td><td>- Vật kính phẳng chống mốc 10X/ độ mở 0.25, khoảng cách làm việc ≥ 8.0 mm;
- Vật kính phẳng chống mốc 40X/ độ mở 0.65, khoảng cách làm việc ≥ 0.6 mm
- Vật kính phẳng chống mốc 100XOil/ độ mở 1.25 , khoảng cách làm việc ≥ 0.13 mm
Nguồn sáng
- Đèn LED hoặc tương đương, ánh sáng trắng
- Công suất: ≥ 0.5 W
- Tuổi thọ đèn: ≥ 20.000 giờ
- Có khả năng điều chỉnh cường độ ánh sáng
Tụ quang:
- Độ mở 1.25
- Có ≥ 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng, được định tâm sẵn, có thể điều chỉnh độ cao khoảng từ ≤ 1,8 đến ≥ 29 mm
Bàn sa trượt
- Điều chỉnh cơ học
- Phạm vi di chuyển theo trục X/Y: ≥ (75x30) mm
Tiêu cự
- Giới hạn điều chỉnh tiêu cự tinh là ≤ 2.5µm/vòng quay
- Giới hạn điều chỉnh thô ≥ 0.3 mm/vòng quay.
- Có khóa tiêu cự</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>MÁY SIÊU ÂM</td><td>Máy</td><td>01</td></tr>
<tr><td></td><td>I. Yêu cầu chung
- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất năm 2024 trở về sau
- Điện áp sử dụng: 220V; 50Hz
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 40°C
+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%
II. Yêu cầu cấu hình
<table>
<tr><td>1</td><td>Máy chính</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Đầu dò Convex</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Đầu dò Linear</td><td>01 cái</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bộ phần mềm</td><td>01 bộ</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt</td><td>01 bộ</td></tr>
</table>
III. Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật</td><td></td><td></td></tr>
</table>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	1. Tính năng - Máy siêu âm xách tay Doppler màu - Thiết bị thực hiện được các siêu âm thăm khám thông thường: Ổ bụng, sản phụ khoa, mạch máu, phần nông, cơ xương khớp - Các phương pháp quét: Rẻ quạt điện tử; tuyến tính điện tử, quét thể tích hoặc tương đương - Các chế độ làm việc cơ bản (tối thiểu có) + B-mode + M-mode + Mode dòng màu (CFM) + Mode M giải phẫu + Mode Doppler phổ - Hiển thị hình ảnh (tối thiểu có) + Hiển thị đồng thời: B/PW; B/M; B/CFM; B/B; 4B + Hiển thị nhiều hình + Thu/ Phóng hình ảnh - Có chức năng điều chỉnh các thông số với ảnh siêu âm (tối thiểu có): Màu hóa mode B và M, Bản đồ thang xám, Tốc độ quét, Độ khuếch đại .... - Có chức năng đo cơ bản: (tối thiểu có): khoảng cách, góc, chu vi, đường kính, diện tích,… - Kết nối chuẩn DICOM **2. Thông số kỹ thuật** - Màn hình hiển thị: LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 12 inch - Độ phân giải: ≥ 1024x768 pixels - Số cổng đầu dò: ≥ 2 cổng - Dải động hệ thống: ≥ 320 dB - Hiển thị thang xám: ≥ 256 mức - Hiển thị thang màu: ≥ 24 mức - Độ sâu hiển thị ảnh tối đa: ≥ 32 cm - Ổ cứng lưu trữ: ≥ 128GB SSD - Thời gian làm việc liên tục: ≥ 8 tiếng - Cân nặng: ≤ 7 kg ***Các thông số quét:** - Mode doppler phổ + Góc lái tia: ± ≥ 15 độ + Có chức năng đảo phổ + Hiệu chỉnh góc ± ≥ 85 độ + Tốc độ quét: ≥ 6 bước + Cửa sổ lấy mẫu khoảng từ ≤ 1 mm đến ≥ 15 mm		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Lọc thành: ≥ 8 mức - Mode dòng màu: + Góc lái tia: ± ≥ 15 độ + Tần số lặp xung: tối đa ≥ 9.000Hz + Có chức năng đảo phổ + Lọc thành: ≥ 4 mức - Đầu dò Convex: + Thăm khám: Bụng, sản/phụ khoa, tiết niệu + Tần số: khoảng từ ≤ 2 MHz đến ≥ 5 MHz + Số chấn tử: ≥ 128 + Trường nhìn: ≥ 60 độ - Đầu dò Linear: + Thăm khám: phần nhỏ, mạch máu, cơ xương khớp, bụng nhi, chỉnh hình, thần kinh + Tần số: khoảng từ ≤ 5 MHz đến ≥ 12 MHz + Số chấn tử: ≥ 128 + Chiều dài vật lý: ≥ 5 cm **3. Bộ phần mềm** - Có chế độ hòa âm mô - Có chức năng giảm vết đốm trên hình ảnh - Có chức năng tự động tối ưu hóa hình ảnh - Có chức năng tự động tính toán phổ Doppler - Có chức năng mở rộng góc quét trên đầu dò linear - Có chức năng mở rộng trường nhìn trên đầu dò Convex - Phần mềm kéo dài trường nhìn - Phần mềm tự động do độ dày lớp nội trung mạc - Phần mềm nhận diện đường kim trong sinh thiết - Phần mềm hỗ trợ người dùng thực hành quét siêu âm cơ bản - Có khả năng chia sẻ hình ảnh siêu âm đến các thiết bị phụ trợ khác		
	CÁC YÊU CẦU KHÁC - Thời hạn giao hàng: Theo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; - Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng kể khi nghiệm thu đưa vào sử dụng. - Bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất - Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng - Có ủy quyền hợp pháp từ nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối		

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác. - Có cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 10 năm.		

Phụ lục 02: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*, chúng *tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho thiết bị, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho thiết bị, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục (2)	Tên thương mại (3)	Thông số kỹ thuật (4)	Hãng sản xuất[5]	Nước sản xuất[6]	Quy cách đóng gói[7]	Số lượng, khối lượng [8]	Đơn giá[9] (VND)	Thành tiền[10] (VND)
1	*Hàng hoá 1*								
2	*Hàng hoá 2*								
n	…								
Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[11]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

*(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi "danh mục hàng hoá" theo đúng tên đã ghi tại cột "Danh mục hàng hoá" trong **phụ lục 01** của **Yêu cầu báo giá**.*

(3), (4), (5), (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tên thương mại, Thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói của từng danh mục hàng hoá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng của Yêu cầu báo giá.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Đơn vị Việt Nam Đồng

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.